

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/KDTM-ST

Ngày: 04-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt
Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/10/2019 và 04/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 11/2018/KDTMST ngày 18/4/2018, về “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2019; Thông báo Mở lại phiên tòa số: 36/2019/TB-TA ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G; Địa chỉ: số K, đường L, phường H, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Nguyễn Quốc T – Giám đốc

Người đại diện ủy quyền: Ông Vũ Hữu Thiên Ân; Địa chỉ: số.... chung cư..., phường B, Quận B, thành phố H (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV G Vũng Tàu; Địa chỉ: số K, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Bích N – Giám đốc (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ G Việt Nam; Địa chỉ: Tầng ..., tòa nhà .. số N, đường M, Quận M, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018, quá trình tố tụng tại Tòa, người đại diện của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G trình bày:

Ngày 04/6/2017, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G (gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH MTV G Vũng Tàu (gọi tắt là Công ty G VT) ký “Hợp đồng thi công” số GQ.1706.VT.CÔNG TY TNHH MTV G.016 (gọi tắt là Hợp đồng) để Công ty G thi công cung cấp lắp đặt nội thất cho Văn phòng Gaencasa. Thời hạn đề

hoàn thành công việc là từ ngày 01/6/2017 đến ngày 30/6/2017. Tổng giá trị của hợp đồng là 1.199.000.000đ (Một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu đồng).

Công ty G đã thực hiện xong công việc được hai bên thỏa thuận ký kết trong hợp đồng thi công, đã bàn giao công trình cho Công ty G VT đưa vào sử dụng theo “Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng” ngày 17/7/2017. Trong quá trình này Công ty G VT đã chuyển khoản tạm ứng cho Công ty G số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng), số tiền 519.000.000 đồng còn lại mặc dù phía Công ty G nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty G VT đã từ chối không ký bảng quyết toán xác nhận về hạng mục thi công đã hoàn thành để thanh toán số tiền giá trị còn lại của hợp đồng theo thỏa thuận tại điểm c, Điều 3.2 của Hợp đồng đã ký kết.

Vì vậy, Công ty G yêu cầu Công ty G VT phải trả số tiền 519.000.000 đồng, khi nào Công ty G VT đồng ý trả tiền, Công ty G sẽ xuất hóa đơn chứng từ liên quan đến công việc Công ty G đã thực hiện cho Công ty TNHH MTV G.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Trần Thị Bích N- người đại diện theo pháp luật của Công ty G VT trình bày:

Việc Công ty G và Công ty G VT ký Hợp đồng là có thật. Sau khi ký hợp đồng, Công ty G VT đã ứng cho Công ty G tổng số tiền 680.000.000đ (Sáu trăm, tám mươi triệu đồng). Gần tới thời điểm Công ty G VT khai trương, phía Công ty G chưa thực hiện kịp tiến độ công việc nên phía Công ty G VT đã tự bỏ chi phí làm một số hạng mục như: lắp hệ thống máy lạnh: 147.829.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn đồng); hệ thống nước: 14.014.000đ (Mười bốn triệu, không trăm mười bốn ngàn đồng); chống thấm: 10.140.000đ (Mười triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng); đập phá tường 100 khu vực AGENCY: 3.360.000đ (Ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng); tháo dỡ cửa đi nhôm khu vực AGENCY: 270.000đ (Hai trăm bảy mươi ngàn đồng). Tổng giá trị Công ty Công ty G VT phải làm là 175.613.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm mười ba ngàn đồng).

Nếu theo Hợp đồng, Công ty G VT còn phải thanh toán số tiền 343.387.000đ (Ba trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi bảy ngàn đồng) khi Công ty G thực hiện xong công việc và hai bên thực hiện việc nghiệm thu đúng trang thiết bị, đúng chất lượng và các hạng mục công việc đạt tiêu chuẩn hợp đồng. Tuy nhiên, phía Công ty G đã vi phạm nhiều hạng mục trong hợp đồng. Cụ thể: Cung cấp, lắp đặt nội thất, thiết bị vật tư cho văn phòng một số hạng mục không đúng theo bảng báo giá; Hai bên chưa nghiệm thu chi tiết từng hạng mục công việc; Chưa có biên bản thanh lý hợp đồng; Chưa xuất hóa đơn VAT; Chưa bàn giao phiếu bảo hành các thiết bị, nội thất của văn phòng; Cung cấp bàn ghế không tem mác, mẫu ghế không đúng hợp đồng; Ghế kém chất lượng ; Cung cấp vật tư, thiết bị điện nhiều hạng mục không đúng theo hợp đồng; Màn chiếu không đúng mẫu; Hệ thống bảo vệ báo động bằng còi và nhắn tin SMS không hoạt động; Sử dụng ti dây và thanh chữ C để treo khung trần thạch cao trong khi trong hợp đồng là Ti Ren.

Tuy nhiên, để Công ty G VT được giải ngân tiền tạm ứng từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ G (Gọi tắt là G Việt Nam), theo yêu cầu của phía G Việt Nam, Công ty G VT với tư cách là Văn phòng Tổng đại lý của G Việt Nam phải ký Biên bản nghiệm thu với Công ty G. Do đó, bà đã sử dụng mẫu Biên bản nghiệm thu do GG Việt Nam

gửi ngày 12/9/2017, chỉnh sửa lại rồi gửi email cho Công ty G vào ngày 16/9/2017. Vì công việc nghiệm thu chưa hoàn thành, trang thiết bị chưa đúng yêu cầu nên bà mới ghi nội dung “Một số hạng mục chưa đạt (trong ngắn hạn chưa ảnh hưởng việc vận hành công trình) sẽ được Công ty G VT (chủ đầu tư) và Công ty TNHH XD-TM Công ty G tự bàn biện pháp khắc phục và bảo hành công trình”. Biên bản nghiệm thu này được ghi lùi lại ngày 17/7/2017 vì Công ty G VT khai trương ngày 18/7/2017.

Sau đó, Công ty G VT đã nhiều lần yêu cầu Công ty G phải hoàn thiện công việc cũng như thu hồi, thay thế trang thiết bị văn phòng chưa đúng hoặc hoàn thiện những công việc còn dang dở hoặc không đúng thiết kế ban đầu nhưng Công ty G không hợp tác vì đã mất hoàn toàn khả năng sửa chữa, khôi phục theo hợp đồng.

Công ty G VT không đồng ý với việc Công ty G lấy “Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 17/7/2017” làm căn cứ khởi kiện vì trong biên bản có ghi một số hạng mục chưa hoàn thành. Công ty G khởi kiện Công ty G VT đòi 519.000.000 đồng là không có căn cứ, Công ty G VT đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan G Việt Nam trình bày: Văn phòng Tổng đại lý phải tuân theo chuẩn thiết kế của G Việt Nam. Công ty G VT là chủ đầu tư của công trình nên có quyền yêu cầu nhà thầu thực hiện công trình theo thiết kế của G Việt Nam và nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng. Việc đồng ý nghiệm thu hay không nghiệm thu công trình thuộc quyền quyết định của Công ty TNHH MTV G, G Việt Nam tham gia nghiệm thu với tư cách là bên thứ ba chứng kiến, ghi nhận việc nghiệm thu, G Việt Nam không liên quan đến việc thanh toán chi phí thi công Văn phòng của Công ty G VT cho Công ty G.

Tại phiên tòa:

Ông Vũ Hữu Thiên A trình bày: Tại đơn khởi kiện Công ty G yêu cầu Công ty G VT có nghĩa vụ trả 519.000.000 đồng còn thiếu vì xác định sau khi tính toán sẽ trừ đi phần chi phí lắp đặt hệ thống máy lạnh do Công ty G VT thực hiện bằng thỏa thuận riêng. Tuy nhiên, do yêu cầu trừ phần tiền này ra nên Công ty G rút lại yêu cầu về việc đòi 147.829.000đ hệ thống máy lạnh. Chỉ yêu cầu Công ty G VT có nghĩa vụ trả 371.171.000 đồng còn thiếu.

Phía Công ty G khẳng định việc nghiệm thu công trình đã được thực hiện đầy đủ đúng như nội dung “Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng” ngày 17/7/2017. Tại biên bản cuộc họp ngày 07/02/2018, bà N là giám đốc của Công ty G VT có ý kiến rất hài lòng về việc thi công trang trí văn phòng của nhà thầu trừ ghế tại phòng huấn luyện không đúng với mẫu mã đã gửi và không đạt chất lượng. Điều đó chứng minh tại thời điểm này hai bên chỉ còn tranh chấp về chất lượng của ghế, không tranh chấp về hạng mục nào khác.

Việc người đại diện Công ty G VT cho rằng biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng chỉ là biên bản dùng để ứng tiền là không đúng sự thực, để trốn tránh trách nhiệm trả tiền. Tại mục 2.5, Khoản 2 của Hợp đồng quy định “Các bên đồng ý rằng nếu công việc không được thực hiện đầy đủ và đúng dẫn theo hợp đồng, bên A (Công ty TNHH MTV G) sẽ không ký biên bản bàn giao”. Khi Công ty G VT ký biên bản bàn giao là đã kiểm tra kỹ về chất lượng công việc Công ty G đã thực hiện. Hơn nữa, hợp đồng thi công giữa Công ty G và Công ty G VT là hợp đồng trọn gói, nghiệm thu và bàn giao một lần nên giữa hai bên không có biên bản bàn giao, giao

nhận cho từng hạng mục mà chỉ có Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng cho toàn bộ công trình và bao gồm tất cả các hạng mục đã được liệt kê trong Bảng báo giá.

Bà Trần Thị Bích N trình bày:

Ngay từ thời điểm khởi kiện phía Công ty G đã không trung thực. Thực tế Công ty G VT đã phải tự bỏ chi phí làm một số hạng mục như: lắp hệ thống máy lạnh; hệ thống nước; chống thấm; chi phí đập phá tường 100 khu vực AGENCY; tháo dỡ cửa đi nhôm khu vực AGENCY. Tổng giá trị Công ty G VT phải tự làm là 175.613.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm mười ba ngàn đồng). Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2019, Công ty G xác định hệ thống đường dây và máy lạnh không phải do Công ty G lắp đặt, mái tole, hệ thống nhà vệ sinh giữ nguyên, đường ống nước không có sửa chữa gì đều do Công ty G VT tự thuê nhà đầu tư khác làm nhưng Công ty G vẫn yêu cầu Công ty G VT phải trả khoản tiền này là vô lí.

Việc Công ty G cho rằng Hợp đồng này là hợp đồng trọn gói là không đúng vì tại điểm b, mục 2.5, Khoản 2 của Hợp đồng quy định: Về hàng hóa: có chứng từ hợp pháp hợp lệ đi kèm và phải có Biên bản xác nhận của các bên khi đi vào thi công và lắp đặt, do không thực tế nghiệm thu nên hoàn toàn không có những tài liệu này; tại điểm c: Trần thạch cao phần khung chịu lực dùng TIREN nhưng Công ty G dùng Ti dây; về phần nghiệm thu: Kiểm tra thực tế để thanh toán nhưng không hề cho biên bản về việc kiểm tra thực tế về khối lượng, số lượng công việc.

Vì công trình do Công ty G làm không đạt chất lượng dẫn tới việc tranh chấp kéo dài trong khi Giang Quang là đối tác do Generali giới thiệu đã ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa Công ty G VT và G VB khiến bà không thấy thoải mái khi hợp tác cùng G Việt Nam. Cuối tháng 9/2019 bà đã trả lại mặt bằng, không tiếp tục kinh doanh. Ngoài khoản tiền 680.000.000đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng) đã ứng cho Công ty G và 175.613.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm mười ba ngàn đồng) trên, bà còn phải chi phí thêm hơn 100.000.000 đồng để tôn tạo, trang trí thêm mặt bằng cho khang trang, chịu mất 100.000.000 đồng do chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng trước thời hạn. Tới thời điểm hiện nay thiệt hại xảy ra cho Công ty G VT là rất lớn.

Nếu thực sự có việc hai bên đã nghiệm thu công trình thì phía Công ty G đã không có văn bản đề ngày 09/02/2018 gửi Công ty G VT với nội dung sẽ cho tháo dỡ toàn bộ các hệ thống bao gồm: hệ thống tủ điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống ổ cắm điện; hệ thống cấp nguồn điện máy lạnh; hệ thống mạng và quyết toán giảm các hạng mục này cho Công ty TNHH MTV G. Cũng tại văn bản này thể hiện “Tất cả các hạng mục được tính theo đơn vị “cái/m²” sẽ được nghiệm thu theo thực tế có sự chứng kiến của đại diện giữa hai bên”. Như vậy, đủ căn cứ để xác định chưa có việc hai bên thực tế nghiệm thu.

Vì công việc nghiệm thu chưa hoàn thành, trang thiết bị chưa đúng yêu cầu nên bà mới ghi nội dung “Một số hạng mục chưa đạt (trong ngắn hạn chưa ảnh hưởng việc

vận hành công trình) sẽ được Công ty G VT (chủ đầu tư) và Công ty TNHH XD-TM Công ty G tự bàn biện pháp khắc phục và bảo hành công trình”.

Bà có nêu ý kiến về việc hài lòng về chất lượng công trình vì thời điểm đó nhìn bên ngoài công trình đẹp nhưng sau nhiều lần yêu cầu Công ty G xuống nghiệm thu mà họ không thực hiện, sau đó bà phát hiện ra rất nhiều sai sót về hệ thống điện, về vấn đề bị phòng dột yêu cầu khắc phục nhưng Công ty G không khắc phục.

Thực tế hai bên chưa ký biên bản nghiệm thu, chưa đối chiếu công nợ nên việc Công ty G dùng Biên bản nghiệm thu ngày 17/7/2017 để khởi kiện yêu cầu công ty Công ty G VT trả tiền là không có căn cứ. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty G vì nếu tính toán, đối chiếu công nợ cụ thể số tiền 680.000.000đ mà Công ty G VT đã ứng cho Công ty G có thể đã nhiều hơn số tiền thực tế Công ty G thi công cho Công ty G VT. Công ty G VT không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Công ty G rút lại yêu cầu về việc đòi 147.829.000đ chi phí lắp đặt hệ thống máy lạnh. Chỉ yêu cầu Công ty G VT có nghĩa vụ trả 371.171.000đ còn thiếu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty G.

Đối với yêu cầu đòi Công ty G VT có nghĩa vụ trả 371.171.000đ, do phía Công ty G không cung cấp được đầy đủ hóa đơn chứng từ, không cung cấp trình duyệt mẫu và Biên bản xác nhận của các bên khi thi công lắp đặt trong khi Công ty G VT không đồng ý về giá thành, về chất lượng hàng hóa nên yêu cầu của Công ty G là chưa có cơ sở để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty G khởi kiện liên quan đến hợp đồng thi công đối với bị đơn là Công ty G VT có trụ sở tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng thi công” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi 147.829.000 đồng chi phí lắp đặt hệ thống máy lạnh:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty G rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty G VT trả 147.829.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu,

tám trăm hai mươi chín ngàn đồng) chi phí lắp đặt hệ thống máy lạnh. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 5, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Công ty G, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi 147.829.000 đồng chi phí lắp đặt hệ thống máy lạnh của Công ty G với Công ty TNHH MTV G.

[2.2]. *Xét về tài liệu, chứng cứ:*

Nguyên đơn cung cấp: “Hợp đồng thi công” số GQ.1706.VT.CÔNG TY TNHH MTV G.016; Văn bản ngày 09/2/2018 của Công ty G gửi Công ty TNHH MTV G; Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng (bản sao); Bảng báo giá (Bản photo)

Bị đơn cung cấp các email trao đổi giữa Công ty G và Công ty G VT với người đại diện là ông T, bà N. Phía nguyên đơn thừa nhận nội dung các email này.

Tòa án thu thập: Biên bản xem xét; thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2019; Văn bản số 144/PTCKH của Phòng tài chính kế hoạch thành phố Vũng Tàu; Công văn số 69/CV-TTKĐ ngày 19/9/2019 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Hóa đơn giá trị gia tăng của đơn vị bán hàng Công ty TNHH Kim Minh (Bản sao).

Các tài liệu, chứng cứ này được thu thập, giao nộp đúng quy định của Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự nên là chứng cứ của vụ án.

[3]. *Xét tính hợp pháp của “Hợp đồng thi công” số GQ.1706.VT.CÔNG TY TNHH MTV G -016 ngày 04/6/2017:*

Hợp đồng đã tuân thủ các quy định của Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 141 Luật Xây dựng nên hợp đồng này là hợp pháp.

[4]. *Xét về yêu cầu của Công ty G đòi Công ty G VT có nghĩa vụ trả 371.171.000 đồng:*

Căn cứ đề Công ty G đưa ra yêu cầu buộc Công ty G VT trả tiền là “Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng” ngày 17/7/2017 và xác định Hợp đồng thi công giữa Công ty G và Công ty G VT là hợp đồng trọn gói, nghiệm thu và bàn giao một lần nên giữa hai bên không có biên bản bàn giao, giao nhận cho từng hạng mục và tại mục 2.5, Khoản 2 của Hợp đồng quy định “Các bên đồng ý rằng nếu công việc không được thực hiện đầy đủ và đúng dẫn theo hợp đồng, bên A (Công ty TNHH MTV G) sẽ không ký biên bản bàn giao

Tuy nhiên, cũng tại mục 2.5 Khoản 2 của Hợp đồng quy định: “Ngoài ra, việc nghiệm thu công việc sẽ bao gồm các điều kiện sau: Về hàng hóa: Chất lượng mới 100%, có chứng từ hợp pháp hợp lệ đi kèm và phải có trình duyệt mẫu cả có biên bản xác nhận của cả bên khi đi vào thi công và lắp đặt; về trần thạch cao khung chịu lực phía lắp theo thiết kế chuẩn của Vĩnh Tường, dùng TIREN treo; Về nghiệm thu: kiểm tra thực tế để thanh toán và không được lớn hơn báo giá; phần nào có trong phụ lục bảng báo giá nhưng thực tế không thực hiện sẽ bị khấu trừ trong quá trình thanh toán nghiệm thu”. Như vậy, trong hợp đồng thể hiện việc nghiệm thu có các điều kiện cụ thể kèm theo. Do đó, nguyên đơn cho rằng hợp đồng này là hợp đồng trọn gói được nghiệm thu và bàn giao một lần là không đúng.

Hơn nữa, theo Văn bản ngày 09/2/2018 của Công ty G gửi Công ty G VT thể hiện nội dung Công ty G sẽ cho tháo dỡ toàn bộ các hệ thống bao gồm: hệ thống tủ điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống ổ cắm điện; hệ thống cấp nguồn điện máy lạnh; hệ thống mạng và quyết toán giảm các hạng mục này cho Công ty TNHH MTV G. Cũng tại văn bản này thể hiện “Tất cả các hạng mục được tính theo đơn vị “cái/m²” sẽ được nghiệm thu theo thực tế có sự chứng kiến của đại diện giữa hai bên”. Điều đó chứng minh tại thời điểm ngày 09/2/2018, sau ngày ký biên bản nghiệm thu gần 7 tháng Công ty G và Công ty G VT vẫn chưa có sự nghiệm thu theo thực tế có sự chứng kiến của hai bên. Vì vậy việc bị đơn cho rằng hai bên chưa nghiệm thu thực tế là có căn cứ.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Công ty G cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh vật tư thiết bị lắp đặt. Tuy nhiên, phía Công ty G khẳng định hai bên đã ký biên bản nghiệm thu nên không cần cung cấp các tài liệu này cho Tòa.

Tại Khoản 4 Điều 91 và Khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc.

Để làm rõ nội dung vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định về việc định giá tài sản, yêu cầu cơ quan chuyên môn định giá giá trị tài sản các bên đang tranh chấp.

Theo Văn bản số 144/PTCKH ngày 14/5/2019 của Phòng Tài chính thành phố Vũng Tàu xác định do tại thời điểm khảo sát trên thị trường không có loại ghế như hình ảnh cung cấp nên Hội đồng định giá từ chối định giá đối với tài sản là lô ghế.

Theo Công văn số 69/CV-TTKĐ ngày 19/9/2019 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thể hiện: Qua kiểm tra hồ sơ cũng như khảo sát thực tế tại công trình, do hồ sơ thiết kế chưa đầy đủ, hồ sơ thi công không có các tài liệu chứng minh vật tư thiết bị lắp đặt, không có biên bản nghiệm thu cũng như hồ sơ hoàn công do đó Trung tâm không có đủ cơ sở để thực hiện việc yêu cầu định giá chủng loại và chất lượng hệ thống trần thạch cao và hệ thống điện tại công trình văn phòng Công ty TNHH MTV G.

Do hai bên chưa nghiệm thu thực tế, phía Công ty G không cung cấp đủ hóa đơn, chứng từ, hồ sơ chứng minh khối lượng, giá trị công việc thực tế đã làm cho Công ty G VT là bao nhiêu nên theo quy định tại Điều 20; Điều 21 Nghị Định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Quy định chi tiết về Hợp đồng Xây dựng; Khoản 2 Điều 144 Luật Xây dựng, Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở vững chắc để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G đòi Công ty G VT có nghĩa vụ trả 371.171.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định 400.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Công ty G phải chịu. Công ty G đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, hoàn lại 4.600.000 đồng cho công ty Công ty G.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Công ty G phải chịu 18.558.550 đồng án phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào 12.380.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp nên còn phải nộp 6.178.550 đồng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 40, Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 95; Điều 96; Khoản 2 Điều 244; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 144 Luật Xây dựng; Điều 20; Điều 21 Nghị Định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Quy định chi tiết về Hợp đồng Xây dựng.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G đối với Công ty G VT về việc đòi 147.829.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn đồng).

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G đối với Công ty G VT về việc đòi số tiền 371.171.000đ (Ba trăm bảy mươi một triệu, một trăm bảy mươi một ngàn đồng).

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G phải chịu án phí: 18.558.550đ (Mười tám triệu, năm trăm, năm mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi đồng), được khấu trừ vào 12.380.000đ (Mười hai triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001873 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ G còn phải nộp 6.178.550đ (Sáu triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi đồng) án phí.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

[5]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Châm